

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRỰC NINH  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **132/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 11 - 8 - 2020

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Chu Thái Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Thị Hương

Bà Nguyễn Thị Thanh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thanh Hiếu – Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:***  
Bà Vũ Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H - Sinh năm: 1977

Địa chỉ: Xóm 5, thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

*Bị đơn:* Anh Đinh Văn T - Sinh năm: 1977

Địa chỉ: Xóm A, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị H có mặt, anh T vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn xin ly hôn ngày 07/5/2020 và bản tự khai ngày 15/6/2020, nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày:

Chị đăng ký kết hôn với anh Đinh Văn T vào ngày 17/11/2006 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Thời gian đầu vợ chồng chị chung sống bình thường, hạnh phúc nhưng từ ngày 15/02/2009 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau, quan điểm sống không phù hợp, hôn

nhân không có hạnh phúc. Chị đã bỏ về nhà bố đẻ ở xã T ngày 01/3/2009 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được nữa nên đề nghị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/7/2020, ông Đinh Văn V (là anh trai của anh Đinh Văn T) cung cấp như sau: Do anh T gặp khó khăn trong việc trình bày quan điểm nên ông V trình bày thay cho anh T.

Anh Đinh Văn T đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh về việc chị H có đơn ly hôn đối với anh T.

Vợ chồng anh T, chị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2006. Trong quá trình chung sống từ năm 2006 đến năm 2009 thì vợ chồng anh T, chị H vẫn chăm chỉ làm ăn, sinh sống bình thường. Đến năm 2009, chị H tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ đó đến nay không quan tâm gì đến anh T.

Về con chung, vợ chồng anh T, chị H không có con chung.

Về tài sản chung, vợ chồng anh T sống cùng bố mẹ chồng nên không có tài sản chung. Khi chị H bỏ đi có mang theo 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) tiền công anh T đi làm bốc vác gạch cùng cậu ruột là ông Mai Văn Th ở Lào Cai. Ông Th trực tiếp đưa tận tay cho chị H nhưng không có giấy tờ nào chứng minh. Ngoài số tiền tiền 15.000.000đ, khi bỏ đi chị H còn mang theo khoảng 3 tạ thóc. Nay quan điểm của gia đình là yêu cầu chị H trả lại cho anh T 7.500.000đ và 1,5 tạ thóc.

Đối với yêu cầu ly hôn của chị H với anh T, quan điểm của gia đình là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/7/2020, ông Mai Văn Th (cậu ruột của anh Đinh Văn T) cung cấp như sau:

Năm 2006 đến năm 2009, ông có đưa anh T đi Lào Cai làm gạch. Mỗi năm ông trả cho anh T là 5.000.000đ tiền công. Tổng số tiền ba năm đi làm trên Lào Cai của anh T là 15.000.000đ. Ông trực tiếp đưa tiền cho chị H nhưng không có giấy tờ nào chứng minh. Theo ông được biết, sau khi chị H bỏ đi chị H đã mang theo số tiền trên. Nay ông đề nghị chị H trả cho anh T 7.500.000đ.

Tại bản tự khai ngày 08/7/2020, chị H trình bày:

Chị đã được TAND huyện Trục Ninh công bố nội dung lời khai của ông Đinh Văn V và ông Mai Văn Th. Chị không đồng ý với ý kiến của ông V và ông Th về việc ông V, ông Th khai khi bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị mang theo 15.000.000đ và 3 tạ thóc. Tiền lương của anh T đi làm trên Lào Cai cùng ông Th mỗi ngày chỉ được 18.000 đồng đến 20.000đ. Tiền lương do ông Th trả trực tiếp cho mẹ của anh

T là bà Th. Chị không được cầm tiền lương của anh T. Đối với 3 tạ thóc là dùng cho sinh hoạt hàng ngày của gia đình đã sử dụng hết. Khi về nhà bố mẹ đẻ, chị chỉ mang quần áo chứ không mang tài sản gì.

Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn đối với anh T. Về con chung, vợ chồng chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, công nợ, vợ chồng chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS;

Bị đơn mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt để hòa giải và không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án hoãn phiên tòa do có sự vắng mặt của bị đơn lần thứ nhất và mở lại phiên tòa lần thứ hai xét xử vụ án khi đương sự (bị đơn) tiếp tục vắng mặt có là đúng quy định tại Điều 227; 228; 233; 238 BLTTDS.

Về nội dung:

Xét thấy vợ chồng chị H, anh T đã sống ly thân từ lâu, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị H và anh Đinh Văn T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ: Không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục trong việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Đinh Văn T nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án hoãn phiên tòa do có sự vắng mặt của bị đơn lần thứ nhất và mở lại phiên tòa lần thứ hai xét xử vụ án khi bị đơn tiếp tục vắng mặt có là đúng quy định tại Điều 227; 228; 233; 238 BLTTDS.

[2] Về tình cảm:

Chị Trần Thị H kết hôn với anh Đinh Văn T ngày 17/11/2006 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2009. Nay chị H có đơn yêu cầu ly hôn đối với anh T để yên tâm làm ăn, sinh sống.

Theo yêu cầu của chị H, TAND huyện Trực Ninh đã tiến hành thu thập chứng cứ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/7/2020, ông Đinh Văn V (là anh trai của anh Đinh Văn T) cung cấp như sau:

Anh Đinh Văn T đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án. Trong quá trình chung sống từ năm 2006 đến năm 2009 thì vợ chồng anh T, chị H vẫn chăm chỉ làm ăn, sinh sống bình thường. Đến năm 2009, chị H tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ đó đến nay không quan tâm gì đến anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H và anh T đã phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ lâu, tình cảm vợ chồng không còn. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh T. Sau khi chị H có đơn khởi kiện xin ly hôn, TAND huyện Trực Ninh đã thông báo nội dung khởi kiện xin ly hôn của chị H cho anh T biết và nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và yêu cầu xuất trình chứng cứ đối với anh Đinh Văn T nhưng anh T vắng mặt và không thực hiện không có lý do nên việc hòa giải không tiến hành được.

Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T đã tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể đoàn tụ, việc chị H xin ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung:

Vợ chồng không có con chung nên Tòa án không xem xét.

[4] Về tài sản, khoản nợ chung:

Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu của đại diện gia đình anh T là ông Đinh Văn V trình bày khi chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ có mang theo 15.000.000đ tiền công anh T đi làm từ năm 2006 đến 2009 ở Lào Cai và 03 tạ thóc. Ông V đề nghị chị H phải trả cho anh T 7.500.000đ và 1.5 tạ thóc.

Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh đã công bố lời khai của ông Đinh Văn V và ông Mai Văn Th cho chị H. Chị H không đồng ý với ý kiến của ông V và ông Th với lý do tiền lương của anh T đi làm trên Lào Cai cùng ông Th mỗi ngày chỉ được 18.000 đồng đến 20.000đ. Tiền lương do ông Th trả trực tiếp cho mẹ của anh T. Chị không được cầm tiền lương của anh T. Đối với 3 tạ thóc là dùng cho sinh hoạt hàng ngày của gia đình đã sử dụng hết. Khi về nhà bố mẹ đẻ, chị chỉ mang quần áo chứ không mang tài sản gì.

TAND huyện Trục Ninh đã có thông báo yêu cầu anh T xuất trình các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc chị H khi bỏ về nhà bố mẹ đẻ đã mang theo 15.000.000đ và 03 tạ thóc. Đến nay anh T chưa xuất trình được cho Tòa án tài liệu nào chứng minh đối với yêu cầu của mình và vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án không có căn cứ để xem xét.

Anh T có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác về tài sản chung của vợ chồng nếu như có yêu cầu và có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

**1.** Xử lý hôn giữa chị Trần Thị H và anh Đinh Văn T.

**2.** Án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001441 ngày 03/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trần Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Đinh Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã T, huyện T;
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Chu Thái Hà**